

CỘNG ĐỒNG ASEAN VÀ CÁC XU THẾ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

NGUYỄN LỘC (*)

TÓM TẮT: Bài báo có mục đích làm sáng tỏ các xu thế phát triển giáo dục đại học của khu vực trong bối cảnh Cộng đồng ASEAN vừa được thành lập. Trước tiên bài báo tiến hành khái quát đặc điểm về kinh tế - xã hội và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN, cũng như khẳng định giáo dục đại học là một lĩnh vực quan trọng với các vai trò cụ thể của nó. Tiếp đến bài báo đi sâu phân tích chín xu thế đặc trưng mà giáo dục đại học cần phải xem xét trong bối cảnh của một Cộng đồng ASEAN thống nhất. Cuối cùng, bài báo đã đưa ra khuyến cáo rằng giáo dục đại học của Việt Nam cần có định hướng phát triển theo các xu thế chung, trong đó đặc biệt lưu ý đến kiểm định chất lượng theo khu vực Đông Nam Á và tiếp nữa là châu Á, nghiên cứu và xây dựng khung trình độ giáo dục quốc gia, tăng cường áp dụng ICT, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và việc giảng dạy tiếng Anh trong các trường đại học.

Từ khóa: cộng đồng ASEAN, giáo dục đại học, xu thế phát triển giáo dục đại học của khu vực.

ABSTRACT: This paper aims to shed light on the development trends of higher education in the region in the context of the ASEAN Community's recent establishment. First, the paper analyses the essential characteristics of the socio - economic context and the objectives set forth for the Community, as well as showing that the higher education is an important area with its specific roles. Next, paper conducts in - depth analysis of nine trends that higher education should be take into account in the context of a united ASEAN Community. Finally, the paper proposes recommendations that the development of higher education in Vietnam should follow the regional general trends, with special attention to the quality accreditation at South East Asian and Asian levels, researching and proposing the national qualification frameworks, increase in the use of ICT, promoting research and teaching English in universities.

Key words: ASEAN Community, higher education, development trends of regional higher education.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 31/12/2015 đã chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN. Đây là một thành tựu to lớn của quá trình liên kết và hội nhập ASEAN trong suốt gần nửa thế kỷ qua. Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á thành một tổ chức hợp tác liên chính phủ liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lý là Hiến chương ASEAN. Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên 3 trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC), và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC).

Cộng đồng ASEAN bao gồm 10 quốc gia với dân số hơn 620 triệu người, GDP khoảng 1,8 nghìn tỉ đô la Mỹ, tổng giá trị giao thương khoảng 2 nghìn tỉ đô la Mỹ. Cộng đồng này có 300 triệu người tham gia lực lượng lao động. Ba quốc gia có số lao động chiếm tỷ trọng lớn là Indonesia - 40%, Phillipines - 16%), và Việt Nam - 15%. Theo dự báo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), khi tham gia cộng đồng ASEAN, số việc làm của Việt Nam sẽ tăng lên 14,5% vào năm 2025 (Mohammad Naim Yaakub, 2015).

Cộng đồng ASEAN có mục tiêu tạo ra thị trường chung duy nhất và cơ sở sản xuất

(*) Giáo sư, Tiến sĩ. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động qua đào tạo, từ đó nâng cao tính cạnh tranh và thúc đẩy sự thịnh vượng chung cho cả khu vực; tạo sự hấp dẫn với đầu tư, kinh doanh từ bên ngoài. Việc lao động qua đào tạo được di chuyển tự do sẽ thông qua các thỏa thuận công nhận lẫn nhau (Mutual Recognition Arrangements - MRAs). Đến nay, các nước ASEAN đã có thỏa thuận trong 8 lĩnh vực ngành nghề được tự do di chuyển bao gồm: dịch vụ kỹ thuật, điều dưỡng, kiến trúc, khảo sát, y khoa, nha khoa, kế toán và du lịch. Cũng theo các thỏa thuận, nhân lực chất lượng cao (các chuyên gia, thợ lành nghề), trong đó có nhân lực được đào tạo chuyên môn hoặc có trình độ từ đại học trở lên, thông thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, được di chuyển tự do hơn.

Giáo dục đại học của khu vực ASEAN khá lớn, bao gồm 6.500 các loại trường với 15 triệu sinh viên. Giáo dục đại học được Cộng đồng ASEAN coi là lĩnh vực quan trọng thông qua việc thừa nhận các vai trò như sau (Kuala Lumpur, 2015):

1. Thừa nhận giáo dục đại học là một trong những chất xúc tác trong việc thúc đẩy chương trình nghị sự phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội của ASEAN;
2. Duy trì chất lượng trong việc cung cấp giáo dục đại học ở tất cả các nước thành viên;
3. Tăng cường sự đóng góp của giáo dục đại học ASEAN trong cộng đồng học thuật toàn cầu;
4. Khuyến khích tính đa dạng và tinh thần đoàn kết của Cộng đồng ASEAN thông qua tăng cường tính di động trong nội khối ASEAN của sinh viên và các học giả;
5. Đóng góp vào việc thúc đẩy hòa bình, thịnh vượng, khả năng phục hồi, và sự năng động của ASEAN thông qua sự hợp tác hợp lực giữa các trường đại học, ngành công nghiệp, chính phủ và cộng đồng;

6. Cùng cố sự phát triển bền vững cộng đồng địa phương thông qua sự tham gia của thanh niên, các chuyên gia và tình nguyện viên trong các nỗ lực kinh doanh;

7. Xây dựng một Cộng đồng ASEAN phát triển theo định hướng đổi mới với năng lực tư duy phê phán thông qua các chương trình xây dựng năng lực được cung cấp bởi các tổ chức giáo dục đại học trong khu vực ASEAN, chẳng hạn như các cơ hội học tập suốt đời, kỹ thuật và giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề (TVET), trực tuyến và học tập kết hợp, giáo dục sau đại học, giáo dục xuyên quốc gia và các lựa chọn học tập linh hoạt khác;

8. Góp phần phát triển bền vững thông qua các chương trình học tập, nghiên cứu, phát triển cộng đồng và các bên liên quan tham gia;

9. Gia tăng vai trò của ASEAN trên toàn cầu thông qua việc tăng cường lãnh đạo tư tưởng trong các ngành khác nhau của giáo dục đại học ở các cấp độ khu vực và quốc tế.

Như vậy, với việc hình thành Cộng đồng ASEAN sẽ có rất nhiều cơ hội để giáo dục đại học phát triển ở khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng.

Người học có nhiều cơ hội hơn trong học tập, tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài và dễ dàng hơn trong việc tìm kiếm việc làm sau quá trình học tập, bởi thị trường lao động không chỉ là thị trường trong nước mà còn cả thị trường rộng lớn trong khu vực ASEAN. Đặc biệt, văn bằng chứng chỉ sau quá trình đào tạo của người học cũng được công nhận ở các nước trong khu vực, tạo điều kiện dễ dàng được công nhận bởi các nước khác trên thế giới (Morshidi Sirat, Norzaini Azman & Aishah Abu Bakar, 2014).

Ngoài ra, Cộng đồng ASEAN sẽ tạo ra nhiều cơ hội trong việc hợp tác lẫn nhau

giữa các trường đại học về các mặt như đào tạo, nghiên cứu, đội ngũ, chất lượng v.v...

Để đáp ứng vai trò mới của giáo dục đại học trong bối cảnh của Cộng đồng ASEAN, dưới đây xin đề cập đến chín xu thế phát triển cần chú ý.

2. NHỮNG XU THẾ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

2.1. Kiểm định khu vực (*Regional Accreditation*)

Kiểm định (Accreditation) đóng một vai trò rất quan trọng trong giáo dục đại học. Đây được xem như là một quá trình và cũng là kết quả. Đó là một quá trình mà thông qua đó các trường đại học đánh giá các hoạt động giáo dục của mình, và tìm kiếm một phán đoán độc lập để xác nhận rằng trường đã đạt được các mục tiêu của mình, và có chất lượng ngang bằng với các trường tương đương. Kết quả của kiểm định là một hình thức xác nhận, hoặc là công nhận chính thức của một cơ quan kiểm định có thẩm quyền, có uy tín đối với một trường đại học rằng trường đó đạt được một số tiêu chuẩn về chất lượng bằng hoặc vượt trội so với những yêu cầu tối thiểu của Chính phủ.

Một trong những hình thức kiểm định được áp dụng rộng rãi ở cấp độ quốc tế hiện nay là xếp thứ hạng (Ranking). Ba hệ thống xếp hạng các trường đại học trên thế giới gồm: The Times Higher Education World University Rankings, cùng với QS World University Rankings và Academic Ranking of World Universities được đánh giá là ba bảng xếp hạng các trường đại học có uy tín nhất trên thế giới, được khởi xướng vào các năm 2003 và 2004. Năm 2009, QS World University Rankings bổ sung hệ thống xếp hạng các trường đại học theo các châu lục như Bắc Mỹ, châu Mỹ La tinh, châu Âu, châu Á.... Điều cần nhận thấy là các bảng xếp hạng này chỉ công bố danh sách của từ 400 đến khoảng 1000 trường đại học có thứ hạng cao nhất. Ước tính hiện nay có hơn

26.000 trường đại học trên toàn thế giới và các trường đại học được lọt vào danh sách xếp hạng nói trên chủ yếu tập trung vào Bắc Mỹ, châu Âu, và một số quốc gia tiên tiến châu Á. Rất ít các trường đại học Đông Nam Á có mặt trong các bảng xếp hạng này. Trong số hơn 200 trường đại học của Việt Nam, có 3 trường được coi là tốt nhất là Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Bách khoa Hà Nội mới chỉ xếp hàng cuối cùng của QS World University Rankings đối với châu Á vào năm 2014. Đại học Quốc gia Hà Nội được coi là tốt nhất của Việt Nam được ước tính xếp hạng khoảng 1.000 trên thế giới.

Vấn đề đặt ra ở đây là với các xếp hạng trên, đại đa số các trường đại học thuộc Cộng đồng ASEAN, trong đó có Việt Nam sẽ không bao giờ có định hướng về cấp độ chất lượng của mình. Do vậy, cần phải có một cơ chế kiểm định/xếp hạng chất lượng khu vực, tạo điều kiện cho các trường đại học định vị được chất lượng của mình, từ đó có định hướng phát triển tốt hơn. Việc kiểm định cấp độ khu vực còn góp phần tạo thuận lợi cho việc di chuyển của lực lượng lao động qua biên giới quốc gia trong khu vực.

2.2. Khung trình độ giáo dục khu vực (*Regional Qualification Framework*)

Khung trình độ được sử dụng như một phương tiện để thúc đẩy sự phát triển, thực hiện và tạo điều kiện của một cơ chế minh bạch được sử dụng trong việc đánh giá, cấp chứng chỉ và công nhận kỹ năng. Bất kể các mức độ khác nhau của, cho dù toàn diện hoặc một phần, hầu hết các nước trong khu vực, như Malaysia, Philippines, Indonesia, Singapore, Thái Lan và Campuchia đã xây dựng khung trình độ của họ.

Đã có nhiều nỗ lực của các tổ chức khác nhau để phát triển một Khung trình độ Khu vực ASEAN. Mục đích của Khung này là cung cấp một điểm tham chiếu và chuyển đổi cho tất cả các trình độ đối với tất cả các quốc

gia Đông Nam Á. Mặt khác, nó sẽ có lợi cho nhà tuyển dụng, các nhà cung cấp giáo dục và người tìm việc công nhận trình độ phát hành trong khu vực. Hơn nữa, việc áp dụng chung khung này sẽ tạo điều kiện cho sinh viên và lao động di động trong khu vực.

2.3. Liên thông (Articulation)

Để tạo ra các hệ thống đại học hiệu quả, liên thông rõ ràng giữa các cơ sở giáo dục phải được thiết lập. Liên thông có thể được thực hiện theo chiều ngang và/hoặc chiều dọc. Liên thông ngang được thực hiện ở cùng một mức độ giáo dục bằng cách công nhận các tín chỉ của các khóa học từ một trường khác. Liên thông dọc được thực hiện giữa các trường trình độ thấp đến cấp độ cao hơn. Đây là loại liên thông đang diễn ra ở một số nước trong khu vực. Để khuyến khích sinh viên nhập học và tránh sự lặp lại của các khóa học, các khóa học đã được phê duyệt và các tín chỉ từ mức thấp của giáo dục có thể được chuyển giao cho các cấp giáo dục cao hơn cơ chế công nhận.

2.4. Giảng dạy - học và đánh giá đích thực (Authentic Teaching - Learning and Assessment)

Dạy học và đánh giá là cốt lõi của hoạt động đào tạo đại học cần được xem xét lại và cải tiến. Thuật ngữ "đích thực" ngụ ý rằng dạy học và đánh giá nên càng giống với môi trường làm việc thực tế là vấn đề có thể có nghĩa là thực tế, các giải pháp thực tiễn, phương pháp tiếp cận thực tế của việc giải quyết các vấn đề, đa (tổng thể) cách đánh giá sinh viên.

2.5. ICT trong giáo dục

Các xu hướng về công nghệ thông tin vẫn cần được coi trọng trong khu vực nên cần tiếp tục đầu tư nhiều nỗ lực để không ngừng nâng cao tích hợp công nghệ thông tin trong giáo dục đại học. Khoảng cách số vẫn tồn tại không chỉ giữa các nước mà còn là một vấn đề trong từng quốc gia. Theo phân loại của UNESCO sự phát triển tích

hợp công nghệ thông tin trong giáo dục được chia thành 4 giai đoạn, đó là: xuất hiện, áp dụng, truyền bá, và chuyển đổi, và theo phân loại này việc tích hợp ICT trong giáo dục của Cộng đồng ASEAN còn ở giai đoạn thấp, chủ yếu là ở giai đoạn thấp, đó là: xuất hiện và áp dụng.

2.6. Nghiên cứu

Nghiên cứu là một chức năng quan trọng đối với một trường đại học hiện đại. Các trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế trong nghiên cứu và giảng dạy sẽ là đòn bẩy vững chắc thúc đẩy tính cạnh tranh toàn cầu của nền kinh tế tri thức của một quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa của việc gia tăng hơn bao giờ hết sự cạnh tranh và sản phẩm tri thức, cần có một sự đồng tâm nhất trí mạnh mẽ hơn nữa trong việc cải cách hơn nữa các trường đại học và các viện nghiên cứu ở cả cấp hệ thống và đơn vị. Điều quan trọng là cần bảo đảm rằng không chỉ nghiên cứu và giảng dạy gắn bó chặt chẽ với nhau, mà phải xem việc xây dựng năng lực nghiên cứu và văn hóa nghiên cứu là một ưu tiên nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia trong việc đổi mới tư duy quản lý nhằm theo kịp những biến chuyển của thời đại (Đào Văn Khanh, Phạm Thị Ly và Nguyễn Văn Tuấn, 2012).

2.7. Học tập suốt đời

Giáo dục đại học nên cung cấp sự linh hoạt hơn cho sinh viên và cung cấp một nền tảng học tập suốt đời mạnh mẽ. Tương tự như vậy, cần có một cơ chế để công nhận các kết quả học tập đã được thực hiện trước, cho dù việc học tập này đã được tiến hành trong môi trường chính quy, không chính quy hoặc phi chính quy. Việc tiếp cận dễ dàng các thông tin thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau và các khả năng thực hiện các công việc thông qua nhiều cách khác nhau sẽ tạo nên nhiều cơ hội cho các cá nhân để học liên tục trong suốt cuộc đời của họ bất kể tuổi tác.

2.8. Việc làm sau khi tốt nghiệp

Vấn đề việc làm sau khi tốt nghiệp đại học vẫn là thách thức phổ biến ở hầu hết các nước trong khu vực. Điều này xảy ra bởi trình độ không phù hợp, thiếu việc làm, và/hoặc thiếu thông tin. Cần có biện pháp để nâng cao định hướng nghề nghiệp cho các sinh viên ở giai đoạn đầu và trang bị các năng lực cần thiết để tăng cường khả năng kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp trong quá trình dạy - học. Để giải quyết vấn đề thất nghiệp, thông tin cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Thông tin việc làm này có thể bao gồm tuyển dụng việc làm tại một quốc gia hay thậm chí ở cấp độ quốc tế và khu vực.

2.9. Tăng cường việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh

Ngôn ngữ là chìa khóa quan trọng hướng đến sự phát triển của cộng đồng ASEAN. Người làm việc nên nhận thức được tầm quan trọng của khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh như là một công cụ quan trọng cho việc nhận diện cộng đồng ASEAN 2015 để từ đó họ sẽ không phải đối mặt với những tình huống có khẩn, và có thể hưởng lợi từ những thành quả của cộng đồng ASEAN.

3. KẾT LUẬN

Việc thành lập Cộng đồng ASEAN thực

sự đã tạo nên một bối cảnh mới cho sự phát triển giáo dục đại học của khu vực, bao gồm cả thời cơ và thách thức. Chính xu thế phát triển được nêu trên được phân tích nhằm phác họa các nét chính mà giáo dục đại học của các quốc gia trong khu vực ASEAN cần đặc biệt lưu tâm trong thời gian tới. Giáo dục đại học Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Nếu so sánh riêng trong Cộng đồng ASEAN thì giáo dục đại học Việt Nam còn chiếm giữ một vị thế khá khiêm tốn nếu không nói là tụt hậu. Giáo dục đại học Việt Nam cần có nhiều nỗ lực vượt bậc hơn nữa trong việc điều chỉnh định hướng phát triển của mình theo định hướng của 9 xu thế trên. Đặc biệt, việc kiểm định chất lượng cần được triển khai nhanh hơn nữa, đồng thời cần chủ động hơn nữa trong việc tham gia kiểm định trong khu vực Đông Nam Á và tiếp nữa là châu Á. Cho đến nay Việt Nam vẫn chưa có khung trình độ giáo dục quốc gia. Đã đến lúc cần xây dựng gấp khung trình độ này để nhanh chóng hội nhập với khu vực. Việc áp dụng ICT trong giáo dục Việt Nam còn ở giai đoạn thấp nên cần có chiến lược phát triển mạnh mẽ hơn nữa. Công tác nghiên cứu và việc giảng dạy tiếng Anh trong các trường đại học Việt Nam cũng là một điểm yếu cần khắc phục trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mohammad Naim Yaakub (2015), *Challenges In Education Towards The Realization Of Asean Community 2015*, Special Lecture, Colombo Plan Staff College for Technician.
2. Morshidi Sirat, Norzaini Azman & Aishah Abu Bakar (2014), *Towards harmonization of higher education in Southeast Asia: Malaysia's perspective*, <https://www.insidehighered.com/blogs/globalhighered/towards-harmonization-higher-education-southeast-asia#sthash.GAtUX9XG.dpbs>.
3. *Kuala Lumpur Declaration On Higher Education*, Kuala Lumpur 2015.
4. Đào Văn Khanh - Phạm Thị Ly - Nguyễn Văn Tuấn (2012), *Thực trạng và giải pháp cho việc đẩy mạnh năng lực nghiên cứu khoa học ở Việt Nam*, Báo cáo tại Hội thảo Giáo dục đại học Việt Nam hội nhập Quốc tế do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 9-11-2012 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 25/04/2016. Ngày biên tập xong: 10/05/2016. Duyệt đăng: 17/05/2016